

Bản án số: 14/2025/LĐ-ST
Ngày: 04 – 02 – 2025
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động
và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Lin;

2. Bà Trần Thị Đồi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Võ Đông Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 153/2024/TLST – LĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn B

Địa chỉ trụ sở: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee In H – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bảo hiểm xã hội tỉnh L; Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S – Giám đốc.

- Bà Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Các đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Từ tháng 5/2007 cho đến nay, bà Nguyễn Thị Kim N đã làm việc tại Công ty TNHH M, Công ty TNHH H1; Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH C nên bà có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 0203249297 và số 8012036844.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Nguyễn Thị Bảo T có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên bà N đã cho bà T mượn giấy chứng minh nhân dân để bà T đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn B trong khoảng thời gian từ tháng 5/2007 đến tháng 6/2011. Khi bà T mang tên bà N làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn B thì bà T cũng tham gia bảo hiểm mang tên Nguyễn Thị Kim N với sổ bảo hiểm xã hội số 4807014014.

Việc bà N cho bà T mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn B không phải do bản thân bà N thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ bảo hiểm xã hội số 8012036844 và số 4807014014 cùng mang tên là Nguyễn Thị Kim N nên bà N không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa Nguyễn Thị Kim N (do bà Nguyễn Thị Bảo T làm việc) với Công ty trách nhiệm hữu hạn B từ tháng 5/2007 đến tháng 6/2011;

2/ Điều chỉnh tên Nguyễn Thị Kim N trên sổ bảo hiểm xã hội số 4807014014 từ tháng 5/2007 đến tháng 6/2011 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn B thành tên Nguyễn Thị Bảo T.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn B do bà Nguyễn Thị D đại diện theo ủy quyền có văn bản trình bày ý kiến: Công ty trách nhiệm hữu hạn B đồng ý vô hiệu hợp đồng với bà Nguyễn Thị Kim N được giao kết từ tháng 5/2007 đến tháng 6/2011. Công ty B không có yêu cầu gì trong vụ án. Bà D có văn bản đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bảo T có văn bản trình bày: Bà xác định có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Kim N để vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn B từ tháng 5/2007 đến tháng 6/2011 và có tham gia bảo hiểm xã hội. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà N và đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn B có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn

Thị Kim N từ tháng 5/2007 đến tháng 6/2011 với số bảo hiểm số 4807014014, bà N đã hưởng chế độ BHXH một lần với số tiền 7.915.806 đồng theo Quyết định số 073634/QĐ-BHXH của BHXH huyện Đ ngày 05/7/2012 và đã hưởng BHTN với thời gian từ tháng 01/2009 đến tháng 6/2011 theo Quyết định số 5668 ngày 01/8/2011.

Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và tham gia BHXH, BHTN và BHYT, thực hiện công văn số 1767/LĐTBOXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L, căn cứ vào bản án đã có hiệu lực của Tòa án, BHXH tỉnh L thực hiện theo nội dung Thông báo số 357/TB-TA ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. BHXH tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Kim N với Công ty TNHH B (người tham gia lao động thực tế là bà Nguyễn Thị Bảo T) từ tháng 05 năm 2007 đến tháng 6 năm 2011 là vô hiệu. Tại thời điểm bà Nguyễn Thị Bảo T lao động tại Công ty TNHH B chưa đủ 15 tuổi, vì vậy không chấp nhận điều chỉnh tên Nguyễn Thị Kim N trên sổ BHXH số 4807014014 trong giai đoạn bà Nguyễn Thị Bảo T chưa đủ 15 tuổi, bà Nguyễn Thị Bảo T được quyền liên hệ Cơ quan Bảo hiểm xã hội để được hoàn trả các chế độ theo quy định đối với khoảng thời gian này. Chấp nhận điều chỉnh tên trên sổ BHXH số 4807014014 với khoảng thời gian từ khi bà Nguyễn Thị Bảo T đủ 15 tuổi. Từ các căn cứ và phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty trách nhiệm hữu hạn B1 có trụ sở tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Kim N là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty trách nhiệm hữu hạn B là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Nguyễn Thị Bảo T và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn B vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo nên bà N có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim N có nộp Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội với số BHXH số 8012036844.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 5 năm 2007 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và xét xử vụ án trong phạm vi đương sự yêu cầu.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Nguyễn Thị Kim N nhưng do bà Nguyễn Thị Bảo T là người trực tiếp lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn B là vô hiệu. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Kim N không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Căn cứ vào văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn B có tham gia bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Kim N từ tháng 5 năm 2007 đến tháng 6 năm 2011 với số bảo hiểm số 4807014014 nên có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Thị Kim N với Công ty trách nhiệm hữu hạn B có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 5 năm 2007 đến tháng 6 năm 2011.

[2.2]. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim N có cho bà Nguyễn Thị Bảo T mượn chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kim N để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 5 năm 2007

đến tháng 6 năm 2011 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn B theo sổ BHXH số 4807014014. Tuy nhiên, thời điểm bà T làm việc trực tiếp tại công ty TNHH B là chưa đủ 15 tuổi. Trong khi đó bà Nguyễn Thị Kim N cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH H1; Công ty TNHH S1 và có tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ là 0203249297 và 8012036844.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2007 đến tháng 6 năm 2011 thì người mang tên Nguyễn Thị Kim N cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại các doanh nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn B; Công ty TNHH H1 và Công ty TNHH S1.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị Bảo T tham gia trực tiếp lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn B nhưng ký hợp đồng lao động với tên người lao động là Nguyễn Thị Kim N là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHYT theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Kim N với Công ty trách nhiệm hữu hạn B là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N là có căn cứ nên được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu và tại thời điểm bà T làm việc trực tiếp tại công ty TNHH B là chưa đủ 15 tuổi nên bà T được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để được hoàn trả các chế độ theo quy định với khoảng thời gian này và sẽ điều chỉnh tên Nguyễn Thị Kim N trên Sổ bảo hiểm xã hội số 4807014014 trong khoảng thời gian từ khi bà T đủ 15 tuổi tại Công ty trách nhiệm hữu hạn B thành tên Nguyễn Thị Bảo T.

[3]. Bà Nguyễn Thị Bảo T, Công ty trách nhiệm hữu hạn B không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim N tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 18, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty trách nhiệm hữu hạn B.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Kim N (do bà Nguyễn Thị Bảo T là người trực tiếp lao động) với Công ty trách nhiệm hữu hạn B từ tháng 5 năm 2007 đến tháng 6 năm 2011;

1.2 Bà Nguyễn Thị Bảo T được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để được hoàn trả các chế độ theo quy định với khoảng thời gian mà bà T chưa đủ 15 tuổi.

1.3. Điều chỉnh sổ bảo hiểm số 4807014014 đã cấp cho bà Nguyễn Thị Kim Nguyên D1 Công ty trách nhiệm hữu hạn B nộp từ ngày 08/5/2008 đến tháng 6/2011 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L thành tên Nguyễn Thị Bảo T.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005803 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà N đã nộp đủ tiền án phí lao động sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Nguyễn Thị Vụ

